|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND | *Hải Phòng, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT
Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21/11/2017;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về sắp xếp Văn bản vị hành chính năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp Văn bản vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 190/2025/NQ-QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp, tổ chức bộ máy nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các Văn bản vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030.*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1**. **Phạm vi áp dụng**

Nghị quyết này quy định cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, trên địa bàn thành phố Hải Phòng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất, kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng và được quy định ở từng chính sách cụ thể từ Điều 4 đến Điều 20 Nghị quyết này.

**Điều 3. Nguyên tắc thực hiện**

1. Chính sách chỉ hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ điều kiện về sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật và các điều kiện của từng chính sách cụ thể quy định tại Nghị quyết này.

2. Trong cùng một thời gian, có nhiều chính sách hoặc có chính sách mới của Nhà nước được ban hành, cùng một nội dung hỗ trợ thì đối tượng thụ hưởng chỉ được lựa chọn, áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

3. Các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ điều kiện được hỗ trợ, các cam kết (nếu có) theo quy định tại nghị quyết, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong kê khai hồ sơ và các quy định của pháp luật có liên quan.

4. Quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đối tượng, đảm bảo hiệu quả, theo đúng quy định quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước.

5. Mỗi đối tượng thụ hưởng được hưởng **không quá 03** chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

**Chương II**

**CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

**MỤC I.** **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TỪ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP**

**Điều 4. Hỗ trợ thuê đất nông nghiệp để sản xuất hàng hóa quy mô lớn**

**a) Nội dung chính sách**

Hỗ trợ 5 triệu đồng/ha/năm, hỗ trợ trong 2 năm đầu tính từ khi thuê đất, thực hiện thanh toán hỗ trợ theo từng năm*.*

**b) Điều kiện hỗ trợ**

- Có hợp đồng thuê quyền sử dụng đất; phương án sử dụng đất hoặc Phương án sản xuất phù hợp với mục đích sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Quy mô diện tích tối thiểu 5ha/vùng trở lên; liền vùng, liền thửa

- Thời hạn thuê tối thiểu 5 năm liên tục.

**c) Đối tượng hỗ trợ**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tập trung đất nông nghiệp để tổ chức sản suất trồng trọt trên địa bàn thành phố theo thương thức thuê quyền sử dụng đất.

**d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ**

*\*) Hồ sơ gồm:*

- Văn bản đề nghị hỗ trợ của đối tượng nhận hỗ trợ;

- Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ký hợp đồng thuê đất;

- Trích lục bản đồ địa chính hoặc Sơ đồ (có tọa độ GPS) xác định phạm vi, ranh giới khu vực đất thuê quyền sử dụng đất.

- Phương án sử dụng đất hoặc Phương án sản xuất của tổ chức, cá nhân thuê đất có xác nhận của UBND cấp xã nơi có đất;

- Chứng từ (danh sách ký nhận) trả tiền thuê quyền sử dụng đất.

- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện đề nghị hỗ trợ.

- Văn bản đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo biểu tổng hợp.

*\*) Trình tự thực hiện hỗ trợ*

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho chủ thể hoàn thiện.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính tổ chức thẩm tra, quyết định phê duyệt hỗ trợ.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chi trả kinh phí hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ sau khi được UBND thành phố cấp kinh phí.

**Điều 5. Hỗ trợ xây dựng nhà màng để trồng cây rau màu, hoa cây cảnh có giá trị kinh tế cao**

**a) Nội dung chính sách**

Hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng nhà màng để trồng cây rau màu, hoa cây cảnh có giá trị kinh tế cao. Mức hỗ trợ 100.000 đồng/m2 xây dựng nhà màng.

**b) Điều kiện hỗ trợ**

- Nhà màng có diện tích quy mô từ 1.000 m2/nhà trở lên, được cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế kỹ thuật, sản xuất những loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao như: dưa lưới, dưa thơm, dưa chuột, rau, nấm, hoa, cây giống… .

- Vị trí xây dựng nhà màng không nằm trong khu vực được quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang mục đích phi nông nghiệp trong vòng 5 năm kể từ khi xây dựng và phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương.

- Có trang bị hệ thống tưới (máy bơm, dây dẫn, vòi phun…) và hệ thống điện phục vụ sản xuất.

**c) Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng nhà màng để trồng cây rau màu, hoa cây cảnh có giá trị kinh tế cao.

**d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ**

*\* Hồ sơ*

- Văn bản đề nghị hỗ trợ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

- Trích lục bản đồ địa chính hoặc Sơ đồ mặt bằng thể hiện được vị trí của khu đất dự kiến xây dựng nhà màng có xác nhận của UBND cấp xã.

- Các văn bản, giấy tờ pháp lý là bản chính hoặc bản sao theo quy định hiện hành; Bản vẽ thiết kế xây dựng nhà màng phải thể hiện được các thông số, kích thước, kết cấu chính của nhà màng dự kiến xây dựng phù hợp với thiết kế mẫu nhà màng được Sở Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận.

- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện đề nghị hỗ trợ.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã, kèm theo biểu tổng hợp.

*\* Trình tự thực hiện hỗ trợ*

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho chủ thể hoàn thiện.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính tổ chức thẩm tra, quyết định phê duyệt hỗ trợ.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chi trả kinh phí hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ sau khi được UBND thành phố cấp kinh phí.

**Điều 6. Hỗ trợ sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, Global GAP, Halal**

**a) Nội dung chính sách**

- Hỗ trợ chi phí đánh giá cấp mới và đánh giá duy trì mã số vùng trồng: 3 triệu đồng/1 mã số vùng trồng/năm;

- Hỗ trợ 1 lần chi phí mua phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật để sản xuất ra sản phẩm an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, Global GAP, HALA: mức hỗ trợ 5 triệu đồng/ha;

- Hỗ trợ chi phí tư vấn, tập huấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận: 15 triệu đồng/ha đối với vùng sản xuất hữu cơ, Global GAP, Hala; 6 triệu đồng/ha đối với vùng sản xuất VietGAP (trong đó: kinh phí năm đầu là 5 triệu đồng/ha; kinh phí đánh giá duy trì năm thứ hai là 01 triệu đồng/ha);

- Hỗ trợ vùng xuất khẩu chi phí lấy mẫu và kiểm nghiệm nhằm kiểm soát tính tuân thủ tiêu chuẩn của rau, củ, trái cây xuất khẩu theo các quy định của nước nhập khẩu: 5 triệu đồng/vùng/năm.

**b) Điều kiện hỗ trợ**

- Vùng sản xuất có quy mô từ 05ha/vùng trở lên, đáp ứng các tiêu chuẩn của chứng nhận hữu cơ, Halal hoặc tiêu chuẩn GAP...;

- Mỗi vùng chỉ được đề nghị hỗ trợ cấp 1 loại giấy chứng nhận (hữu cơ, VietGAP, Global GAP hoặc Halal.).

- Tổ chức, cá nhân cam kết chấp hành nghiêm quy định của cơ quan chuyên môn để sản xuất ra sản phẩm an toàn, đủ tiêu chuẩn được cấp giấy chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn 1 trong các loại: VietGAP, hữu cơ, Global GAP, HALA.

**c) Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân sản xuất rau màu, cây ăn quả đạt tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, Global GAP, Halal trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ**

*\* Hồ sơ:*

- Văn bản đề nghị của đối tượng đề nghị hỗ trợ;

- Danh sách thông tin, địa chỉ vùng sản xuất và diện tích sản xuất của các đối tượng đề nghị hỗ trợ có xác nhận của UBND cấp xã;

- Văn bản cấp mã số vùng trồng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

- Hợp đồng và thanh lý hợp đồng mua bán phân bón hữu cơ hoặc thuốc bảo vệ thực vật; Biên bản giao nhận phân bón hữu cơ hoặc thuốc bảo vệ thực vật; Hoá Văn bản, phiếu xuất kho;

- Danh sách nhận phân bón hữu cơ hoặc thuốc bảo vệ thực vật của các đối tượng được nhận hỗ trợ;

- Hợp đồng, thanh lý hợp đồng tư vấn, tập huấn, đánh giá, cấp giấy chứng nhận hữu cơ, Global GAP, VietGAP; Hóa đơn bản Văn bản vị cung ứng dịch vụ;

- Bản sao Giấy chứng nhận hữu cơ, VietGAP, GlobalGAP, Halal;

- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện đề nghị hỗ trợ.

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp xã.

*\* Trình tự thực hiện hỗ trợ*

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho chủ thể hoàn thiện.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính tổ chức thẩm tra, quyết định phê duyệt hỗ trợ.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chi trả kinh phí hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ sau khi được UBND thành phố cấp kinh phí.

**Điều 7. Hỗ trợ cơ giới hóa trong sản xuất**

**a) Nội dung chính sách**

Hỗ trợ một lần tối đa 50% kinh phí (không quá 200 triệu đồng/máy, thiết bị) cho các tổ chức, cá nhân đầu tư mua mới máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất (máy làm đất, máy cấy, máy gặt đập liên hợp, thiết bị bay không người lái, thiết bị cuốn rơm rạ, máy sấy thóc, kho lạnh phục vụ bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, máy móc, thiết bị chế biến nông sản). Tối đa không quá 1 tỷ đồng/tổ chức, cá nhân.

**b) Điều kiện hỗ trợ**

- Các máy móc thiết bị đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn về kỹ thuật, tính năng tác dụng, chất lượng theo quy định hiện hành của Nhà nước; máy, thiết bị do nước ngoài sản xuất phải đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu vào thị trường các nước ASEAN, có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) theo mẫu quy định của Bộ Công Thương; máy, thiết bị do các cơ sở sản xuất trong nước sản xuất, lắp ráp phải được công bố tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Tổng cục đô lường chất lượng Việt Nam.

- Cam kết phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố tối thiểu 60 tháng kể từ ngày đề nghị hỗ trợ; Không được bán hoặc chuyển nhượng cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.

- Trong cùng một chủng loại máy móc, thiết bị, mỗi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chỉ được hỗ trợ 01 máy móc, thiết bị.

**c) Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh/hộ khẩu thường trú trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

**d. Hồ sơ và trình tự hỗ trợ**

***\* Hồ sơ đề nghị hỗ trợ***

- Văn bản đề nghị hỗ trợ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã;

- Bản cam kết của tổ chức, cá nhân;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Chứng thư thẩm định giá hoặc quyết định trúng thầu; hợp đồng, thanh lý hợp đồng, hoá Văn bản mua bán và hồ sơ máy móc, thiết bị.

***\* Trình tự thực hiện hỗ trợ***

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho chủ thể hoàn thiện.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp sở Tài chính tổ chức thẩm tra, quyết định phê duyệt hỗ trợ.

Trường hợp các tổ chức, cá nhân không thực hiện theo đúng cam kết thì phải hoàn trả 100% kinh phí đã nhận hỗ trợ của nhà nước, UBND cấp xã có trách nhiệm thu hồi nộp hoàn trả ngân sách thành phố theo quy định.

**Điều 8. Hỗ trợ phát triển con giống gia súc, gia cầm**

 ***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung: Ngân sách thành phố một lần không quá 30% giá trị mua lợn đực giống, lợn nái sinh sản, các loại gà, vịt, ngan cấp bố mẹ; mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

***b) Điều kiện hỗ trợ***

- Quy mô chăn nuôi:

+ Lợn nái, đực ngoại cấp ông bà, cấp bố mẹ: 60 con trở lên

+ Gia cầm cấp bố mẹ: gà 5.000 con trở lên; vịt, ngan: 3.000 con trở lên.

- Các cơ sở chăn nuôi phải đảm bảo các điều kiện về chăn nuôi, thú y theo quy định tại Luật chăn nuôi số 32/2018/QH14; Luật Thú y số 79/2015/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

- Mỗi cơ sở chăn nuôi chỉ được hỗ trợ một lần đối với lợn hoặc gia cầm.

***c) Đối tượng hỗ trợ:*** Doanh nghiệp, HTX, trang trại, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp chăn nuôi gia súc, gia cầm ông bà, bố mẹ.

 ***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ***

 *\* Hồ sơ đề nghị hỗ trợ*

- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí của chủ thể.

- Giấy xác nhận về nguồn gốc hoặc lý lịch vật nuôi.

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật (nếu có).

- Chứng từ, hoá Văn bản mua bán con giống hoặc hợp đồng, thanh lý hợp đồng mua bán con giống; Biên bản nghiệm thu gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ sau 38 tuần tuổi.

- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hỗ trợ

*\* Trình tự thực hiện hỗ trợ*

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ hỗ trợ theo quy định tới ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, quyết định phê duyệt danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ; tổng hợp danh sách, kinh phí đề nghị hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan (nếu cần) thống nhất danh sách tổ chức, cá nhân được hỗ trợ. Sở Tài chính đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí hỗ trợ về Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Căn cứ Quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ về Ủy ban nhân dân cấp xã để chi trả cho các đối tượng được thụ hưởng theo quy định.

**Điều 9. Hỗ trợ cơ sở chăn nuôi về xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường**

***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung: Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí đầu tư công trình xử lý chất thải, kinh phí sử dụng sản phẩm xử lý chất thải.

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ không quá 50% giá trị sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/cơ sở (chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa); 100 triệu đồng/cơ sở (trang trại quy mô lớn).

+ Hỗ trợ không quá 50% giá trị công trình khí sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/công trình (chăn nuôi trang trại quy mô nhỏ và vừa).

***b) Điều kiện hỗ trợ***

- Cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại theo Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14.

- Các cơ sở chăn nuôi đảm bảo các điều kiện về chăn nuôi, thú y theo quy định tại Luật chăn nuôi số 32/2018/QH14; Luật Thú y số 79/2015/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

- Xây dựng mới hoặc nâng cấp các công trình xử lý chất thải, hệ thống xử lý nước thải sinh học, hoặc các công nghệ tiên tiến khác.

***c) Đối tượng hỗ trợ***

Doanh nghiệp, HTX, trang trại, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp chăn nuôi.

***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ***

*\* Hồ sơ đề nghị hỗ trợ*

- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí.

- Hoá Văn bản, chứng từ liên quan đến các khoản mục chi phí.

- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hỗ trợ

*\* Trình tự thực hiện hỗ trợ*

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ hỗ trợ theo quy định tới ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, quyết định phê duyệt danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ; tổng hợp danh sách, kinh phí đề nghị hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan (nếu cần) thống nhất danh sách tổ chức, cá nhân được hỗ trợ. Sở Tài chính đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí hỗ trợ về Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Căn cứ Quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ về Ủy ban nhân dân cấp xã để chi trả cho các đối tượng được thụ hưởng theo quy định.

**Điều 10. Hỗ trợ đầu tư phát triển sản xuất thủy sản hàng hóa tập trung (trực tiếp một lần sau đầu tư)**

***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung: Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí sau đầu tư cho cơ sở về hạ tầng (xây mới/mở rộng/nâng cấp hệ thống ao nuôi/sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, nhà xưởng sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, bể nuôi/sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản, nhà bạt, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý môi trường... trong phạm vi thuộc quản lý của cơ sở), trang thiết bị máy móc, con giống, vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất thủy sản.

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ 50% tổng kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị máy móc theo thực tế, tối đa không quá 500 triệu đồng/ha nuôi trồng thủy sản, 500 triệu đồng/cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè trên biển, 500 triệu đồng/cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản.

 + Hỗ trợ đầu tư con giống, vật tư thiết yếu theo thực tế, tối đa không quá 70 triệu đồng/ha nuôi trồng thủy sản, 70 triệu đồng/cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè trên biển.

 ***b) Điều kiện hỗ trợ***

- Vị trí xây dựng ao/đầm nuôi, lồng bè nuôi nằm trong vùng sản xuất tập trung, tuân thủ quy định pháp luật về đất đai, mặt nước; không nằm trong khu vực quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang mục đích phi nông nghiệp trong vòng 03 năm; phù hợp định hướng phát triển của địa phương.

- Quy mô tối thiểu: với sản xuất nuôi trồng thủy sản ao đầm, tổng diện tích từ 01 ha trở lên; giàn, lồng bè nuôi trồng thủy sản từ 320m2 trở lên.

- Có đăng ký tham gia chính sách và Phương án sản xuất được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

- Được Ủy ban nhân dân cấp xã nghiệm thu, xác nhận về việc hoàn thiện các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, máy móc; sử dụng con giống, vật tư thiết yếu.

***c) Đối tượng hỗ trợ:*** Doanh nghiêp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân đầu tư sản xuất thủy sản.

 ***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ***

 *\* Hồ sơ đề nghị hỗ trợ*

 - Văn bản đề nghị hỗ trợ của cơ sở có xác nhận của UBND cấp xã.

 - Phương án đầu tư sản xuất do cơ sở xây dựng được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

 - Hóa đơn, chứng từ liên quan tới các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, máy móc, con giống, vật tư thiết yếu; biên bản nghiệm thu, xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc hoàn thiện các hạng mục đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, máy móc; sử dụng con giống, vật tư thiết yếu sau khi kết thúc vụ nuôi.

 *\* Trình tự thực hiện hỗ trợ*

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tới ban nhân dân cấp xã.

- Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, quyết định phê duyệt danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ; tổng hợp danh sách, kinh phí đề nghị hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan (nếu cần) thống nhất danh sách tổ chức, cá nhân được hỗ trợ. Sở Tài chính đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí hỗ trợ theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Căn cứ Quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ để chi trả cho các đối tượng được thụ hưởng theo quy định.

**Điều 11. Hỗ trợ cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình VietGAP, chăn nuôi thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), chăn nuôi an toàn dịch bệnh**

***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung: Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí đánh giá chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình VietGAP, chăn nuôi thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), chăn nuôi an toàn dịch bệnh. Kinh phí đánh giá giám sát trong năm thứ hai.

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ một lần 100% kinh phí đánh giá cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình VietGAP, chăn nuôi thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), chăn nuôi an toàn dịch bệnh không quá 50 triệu đồng/cơ sở.

+ Hỗ trợ 100% kinh phí đánh giá giám sát trong năm thứ hai không quá 25 triệu đồng/cơ sở.

***b) Điều kiện hỗ trợ***

- Cơ sở sản xuất thủy sản có quy mô từ 05 ha trở lên. Không nằm trong khu vực được quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang mục đích phi nông nghiệp trong vòng 5 năm và phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển của địa phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan

- Cơ sở chăn nuôi quy mô trang trại theo Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14. Đảm bảo điều kiện về chăn nuôi, thú y theo quy định tại Luật chăn nuôi số 32/2018/QH14; Luật Thú y số 79/2015/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

***c) Đối tượng hỗ trợ:*** Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất chăn nuôi, thủy sản.

***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ***

*\* Hồ sơ hỗ trợ*

- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí.

- Hợp đồng và thanh lý hợp đồng mua bán giữa Văn bản vị đánh giá cấp giấy chứng nhận và doanh nghiệp, cá nhân; Hóa đơn bản của Văn bản vị cung ứng dịch vụ Giấy chứng nhận cơ sở nuôi trồng thủy sản áp dụng quy trình VietGAP, chăn nuôi thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), chăn nuôi an toàn dịch bệnh.

- Biên bản nghiệm thu kết quả thực hiện hỗ trợ.

*\* Trình tự hỗ trợ*

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ về Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định và tổng hợp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp không đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo cho chủ thể hoàn thiện.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp Sở Tài chính tổ chức thẩm tra, quyết định phê duyệt hỗ trợ.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chi trả kinh phí hỗ trợ cho đối tượng được hỗ trợ sau khi được UBND thành phố cấp kinh phí.

**Điều 12. Hỗ trợ sản phẩm tham gia Chương trình OCOP**

 ***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung: Ngân sách thành phố hỗ trợ cho sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 3 sao, 4 sao, 5 sao căn cứ trên Quyết định công nhận sản phẩm OCOP của cấp có thẩm quyền.

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ 80 triệu đồng/sản phẩm đạt Chứng nhận OCOP 3 sao;

+ Hỗ trợ 150 triệu đồng/sản phẩm đạt Chứng nhận OCOP 4 sao;

+ Hỗ trợ 250 triệu đồng/sản phẩm đạt Chứng nhận OCOP 5 sao.

***b) Điều kiện hỗ trợ***

 Sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Quyết định công nhận) từ khi Nghị quyết có hiệu lực. Mỗi sản phẩm chỉ được hỗ trợ 01 (một) lần ở cùng mức độ sao được công nhận; trường hợp được công nhận nâng hạng sao thì được hỗ trợ thêm phần chênh lệch giữa hai mức độ sao.

 ***c) Đối tượng thụ hưởng***

Các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp, trang trại và hộ sản xuất, kinh doanh có sản phẩm OCOP trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Đối với nhóm sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch, chủ thể bao gồm: các đối tượng trên và các hội/hiệp hội, trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương (*gọi tắt là chủ thể*).

- Sản phẩm hỗ trợ được phân theo 6 nhóm tại Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ (trường hợp nhóm sản phẩm có thay đổi theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định số 919/QĐ-TTg thì áp dụng theo quy định mới), gồm:

+ Nhóm thực phẩm, gồm: Nông, thủy sản tươi sống; nông, thủy sản sản sơ chế, chế biến và các thực phẩm khác.

+ Nhóm đồ uống, gồm: Đồ uống có cồn; đồ uống không cồn.

+ Nhóm dược liệu và sản phẩm từ dược liệu, gồm: Sản phẩm chức năng, thuốc dược liệu, thuốc y học cổ truyền, mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược, tinh dầu và dược liệu khác.

+ Nhóm hàng thủ công mỹ nghệ, gồm: Các sản phẩm từ gỗ, sợi tự nhiên, kim loại, gốm sứ, dệt may, thêu ren... làm đồ lưu niệm, đồ trang trí, đồ gia dụng.

+ Nhóm sinh vật cảnh, gồm: Hoa, cây cảnh, động vật cảnh.

+ Nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ***

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ: Hàng năm, căn cứ Quyết định công nhận sản phẩm OCOP của cấp có thẩm quyền, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập danh sách chủ thể, sản phẩm đạt chứng nhận OCOP, trình Ủy ban nhân dân thành phố hỗ trợ.

- Trình tự thực hiện hỗ trợ:

 + Trước ngày 20/11 hàng năm, căn cứ danh sách các sản phẩm đạt chứng nhận OCOP từ 3 sao trở lên, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập dự toán kinh phí hỗ trợ, thống nhất với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định phê duyệt hỗ trợ.

 + Sau khi có quyết định phê duyệt hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ cho các chủ thể.

 **Điều 13. Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP**

***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung: Ngân sách thành phố hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chi phí tư vấn xây dựng liên kết; chi phí mua giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm; chi phí chuyển giao ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi; chi phí xây dựng mô hình khuyến nông; chi phí tập huấn kỹ thuật và đào tạo nghề.

- Mức hỗ trợ:

+ Chủ trì liên kết được hỗ trợ 100% chi phí tư vấn xây dựng liên kết (bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường), tối đa không quá 300 triệu đồng (thực hiện theo Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

+ Các bên tham gia Dự án liên kết được hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông như sau:

++ Hỗ trợ 50% chi phí mua giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình trình diễn; tối đa không quá 500 triệu đồng/mô hình.

++ Hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình ứng dụng công nghệ cao; tối đa không quá 01 tỷ đồng/mô hình.

++ Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh; tối đa không quá 30 triệu đồng/dự án.

+ Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: Hỗ trợ 100 % kinh phí cho các bên tham gia liên kết, thực hiện tổ chức mở lớp tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường cho các thành viên tham gia chuỗi liên kết; mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/dự án (theo điểm b, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP)

+ Hỗ trợ đào tạo nghề: Hỗ trợ 100% kinh phí cho các bên tham gia liên kết, thực hiện tổ chức đào tạo nghề thường xuyên dưới 03 tháng và cấp chứng chỉ học nghề cho lao động tham gia chuỗi liên kết. Mức hỗ trợ không quá 02 triệu đồng/người/khóa đào tạo (quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP; về mức hỗ trợ vận dụng theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020)

+ Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua dịch vụ tập trung của hợp tác xã, cụ thể: Hỗ trợ 50% chi phí mua giống cây trồng, vật nuôi; 50% chi phí mua vật tư trong 03 vụ cho các ngành hàng, sản phẩm trồng trọt có chu kỳ sản xuất dưới 01 năm, trong 03 năm cho ngành hàng, sản phẩm trồng trọt có chu kỳ sản xuất trên 01 năm; 50% chi phí mua thuốc sát trùng, vắc - xin phòng bệnh gia súc, gia cầm trong 02 chu kỳ sản xuất; 50% chi phí mua chế phẩm sinh học thủy sản trong 01 chu kỳ sản xuất; 100% chi phí bao bì, nhãn mác sản phẩm trong 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã. Mức hỗ trợ tối đa không quá 1.000 triệu đồng/dự án hoặc kế hoạch (thực hiện theo Điểm c Khoản 1 Điều 9; Điểm c Khoản 1 Điều 9 của Nghị định số 98/2018/NĐ-CP.

+ Hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi, mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án, kế hoạch (thực hiện theo Điểm d Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

***b) Điều kiện hỗ trợ:***

Các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây (thực hiện theo Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP):

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Có Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Liên kết đảm bảo ổn định:

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm;

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

- Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

***c) Đối tượng hỗ trợ***

Các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp và sản phẩm OCOP (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp và OCOP) trên địa bàn Thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

- Doanh nghiệp.

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan thực hiện chính sách.

***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ***

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết thực hiện theo Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và Hợp đồng, Hóa đơn bản, chứng từ các nội dung chi phí liên quan.

- Trình tự hỗ trợ thực hiện theo Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 14. Hỗ trợ tổ chức các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm OCOP, làng nghề, ngành nghề nông thôn**

***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung:

+ Hàng năm ngân sách thành phố bố trí nguồn kinh phí cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm nông, lâm, thủy sản, sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn của thành phố.

+ Hỗ trợ các cơ sở, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản; sản phẩm OCOP; làng nghề; ngành nghề nông thôn (*sau đây gọi tắt là cơ sở*) chi phí vận chuyển, đi lại, ăn ngủ khi tham gia triển lãm, hội chợ, lễ hội, hội nghị xúc tiến thương mại,kết nối giao thương... do cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp tỉnh tổ chức.

- Mức hỗ trợ:

+ Mỗi năm ngân sách thành phố bố trí 5 tỷ đồng cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

+ Ngoài các nội dung chi và định mức chi theo quy định của Nhà nước, ngân sách thành phố hỗ trợ để thực hiện tổ chức cho các cơ sở tham gia triển lãm, hội chợ, lễ hội, hội nghị xúc tiến thương mại, kết nối giao thương các khoản chi phí vận chuyển, đi lại, ăn, ngủ khi tham gia triển lãm, hội chợ, lễ hội, hội nghị xúc tiến thương mại, kết nối giao thương... do cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp tỉnh tổ chức tối đa không quá 10 triệu đồng/01 lượt cơ sở tham gia đối với khu vực miền Bắc, 15 triệu đồng/01 lượt cơ sở tham gia đối với khu vực miền Trung, 20 triệu đồng/01 lượt cơ sở tham gia đối với khu vực miền Nam. Mỗi nội dung chi chỉ được lựa chọn áp dụng một mức hỗ trợ phù hợp nhất.

***b) Điều kiện hỗ trợ:***

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản, sản phẩm OCOP có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm hoặc tương đương còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp.

- Cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng được các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố mời hoặc cử tham gia triển lãm, hội chợ, lễ hội, hội nghị xúc tiến thương mại, kết nối giao thương do cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp tỉnh tổ chức.

 ***c) Đối tượng hỗ trợ****:* Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ sở, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm, thủy sản; sản phẩm OCOP; làng nghề; ngành nghề nông thôn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ***

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố lập dự toán kinh phí tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại hoặc tổ chức cho các cơ sở tham gia triển lãm, hội chợ, lễ hội, hội nghị xúc tiến thương mại, kết nối giao thương do cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp tỉnh tổ chức; thống nhất với Sở Tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

- Căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ngành tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định về quản lý tài chính.

**MỤC II. CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG**

 **Điều 15. Hỗ trợ công trình khí sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi quy mô lớn**

***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung: Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí đầu tư công trình khí xử lý chất thải.

- Mức hỗ trợ: không quá 50% giá trị công trình khí sinh học xử lý chất thải trong chăn nuôi, tối đa không quá 1 tỷ đồng/công trình.

 ***b) Điều kiện hỗ trợ:*** thực hiện theoKhoản 3 Điều 10 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP

***c) Đối tượng hỗ trợ:*** thực hiện theoKhoản 1 Điều 10 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP

***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ:*** thực hiện theoĐiều 13 Nghị định số 106/2024/NĐ-CP

 **Điều 16. Hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở giết mổ động vật tập trung trên địa bàn thành phố**

 ***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung: Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí đầu tư về cơ sở hạ tầng, xử lý chất thải, trang thiết bị, máy móc cơ sở giết mổ tập trung

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ **50%** tổng kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xử lý chất thải, mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ giết mổ, kho lạnh bảo quản, thiết bị bảo quản sau giết mổ động vật, không quá **8.000** triệu đồng/cơ sở giết mổ.

+ Hỗ trợ chi phí dịch vụ giết mổ: 100.000 đồng/con trâu, bò, 50.000 đồng/con lợn, 4.000 đồng/con gia cầm trong 01 năm đầu đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện giết mổ tại cơ sở giết mổ động vật được đầu tư.

 ***b) Điều kiện hỗ trợ:***

- Quy mô tối thiểu: 50 con lợn/ngày hoặc 10 con trâu bò/ngày hoặc 1.000 con gia cầm/ngày trở lên.

- Cơ sở giết mổ động vật phải đảm bảo các điều kiện về chăn nuôi, thú y theo quy định tại Luật Thú y số 79/2015/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

- Có cam kết thực hiện theo đúng phương án đầu tư sản xuất đã được phê duyệt; bố trí đủ vốn, điều kiện cần thiết để triển khai phương án.

 ***c) Đối tượng hỗ trợ****:* Doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân có phương án đầu tư đầu tư giết mổ gia súc, gia cầm tập trung.

 ***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ***

*\* Hồ sơ hỗ trợ*

- Đơn đề nghị hỗ trợ của cơ sở, tổ chức, cá nhân thực hiện giết mổ tại cơ sở có xác nhận của UBND cấp xã.

- Phương án đầu tư sản xuất do cơ sở xây dựng được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

- Biên bản nghiệm thu, xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc hoàn thiện các hạng mục đầu tư cơ sở hạn tầng, xử lý chất thải, trang thiết bị, máy móc (đối với hỗ trợ cơ sở hạn tầng, trang thiết bị, máy móc); Biên bản nghiệm thu, xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về số lượng gia súc, gia cầm giết mổ tại cơ sở, kèm theo bản photo biên lai thu phí kiểm soát giết mổ của cơ quan quản lý thú y chuyên ngành (đối với hỗ trợ chi phí giết mổ).

*\* Trình tự hỗ trợ:*

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo quy định tới Ủy ban nhân dân cấp xã.

 - Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm định, quyết định phê duyệt danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện hỗ trợ; tổng hợp danh sách, kinh phí đề nghị hỗ trợ gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

 - Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành liên quan (nếu cần) thống nhất danh sách tổ chức, cá nhân được hỗ trợ. Sở Tài chính đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố phân bổ kinh phí hỗ trợ theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Căn cứ Quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp kinh phí hỗ trợ để chi trả cho các đối tượng được thụ hưởng theo quy định.

**Điều 17. Hỗ trợ hạ tầng dự án liên kết**

***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung: Ngân sách thành phố hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chi phí hạ tầng phục vụ liên kết.

- Mức hỗ trợ: hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc trang thiết bị, nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đối với các dự án liên kết; tổng mức hỗ trợ tối đa không quá 8 tỷ đồng/dự án liên kết (thực hiện theo Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

***b) Điều kiện hỗ trợ:*** Các bên tham gia liên kết được hỗ trợ phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây (theo Điều 11 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP).

***c) Đối tượng hỗ trợ:*** Các tổ chức, cá nhân tham gia liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, diêm nghiệp và sản phẩm OCOP (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp và OCOP) trên địa bàn Thành phố Hải Phòng.

***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ:***

- Hồ sơ đề nghị hỗ trợ liên kết thực hiện theo Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 98/2018/NĐ-CP và Hợp đồng, hóa đơn, chứng từ các nội dung chi phí liên quan.

- Trình tự hỗ trợ theo Quyết định số 2299/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

**Điều 18. Hỗ trợ xây dựng hạ tầng vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung**

***a) Nội dung chính sách***

- Nội dung: Ngân sách thành phố hỗ trợ kinh phí xây dựng hạ tầng vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung. Các hạng mục được hỗ trợ: Hệ thống cấp thoát nước đầu mối (*kênh cấp, cống đầu mối, kênh thoát nước, trạm bơm*), đường giao thông, hệ thống điện, công trình xử lý nước thải chung.

- Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng hạ tầng vùng chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung, không quá 330 triệu đồng/ha.

***b) Điều kiện hỗ trợ:*** Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung có quy mô từ 20ha trở lên, vùng chăn nuôi tập trung có quy mô từ 5ha trở lên; phù hợp với quy hoạch được phê duyệt.

***c) Đối tượng hỗ trợ:*** Ủy ban nhân dân cấp xã, doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện đầu tư tại các vùng chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản tập trung.

***d) Hồ sơ và trình tự thực hiện hỗ trợ:***

*\* Hỗ sơ hỗ trợ*

- Văn bản đề xuất hỗ trợ đầu tư.

- Đề xuất dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng;

- Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư.

- Văn bản đề nghị nghiệm thu.

- Báo cáo kiểm toán độc lập đối với chi phí xây dựng hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ.

- Hồ sơ quyết toán công trình, hạng mục công trình dự kiến được hỗ trợ;

*\* Trình tự hỗ trợ*

- UBND cấp xã có nhu cầu hỗ trợ gửi đơn đề nghị hỗ trợ cùng với văn bản tổng hợp danh mục dự án và nhu cầu hỗ trợ trên địa bàn về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan rà soát điều kiện, nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ; tổng hợp báo cáo UBND thành phố xem xét, phê duyệt danh mục dự án thực hiện.

- Căn cứ danh mục dự án được phê duyệt, đơn vị được giao tổ chức lập Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư dự án gửi về Sở Tài chính để tổ chức thẩm định.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, trình phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án theo quy định của Luật Đầu tư công;

- Sau khi báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án được phê duyệt, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị và căn cứ vào quy mô, tính chất của từng dự án, Sở Tài chính báo cáo UBND thành phố giao đơn vị thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư đối với từng dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 19. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng kế hoạch cụ thể và chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 20. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng; Nghị quyết 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 và Nghị quyết 19/2024/NQ-HĐND ngày 14/11/2024 sửa đổi Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 06/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương; Nghị quyết số 17/2019/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

2. Thời gian thực hiện nghị quyết:

a) Thời gian thực hiện nghị quyết quy định cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trên địa bàn thành phố giai đoạn 2026-2030 là 05 năm, từ năm 2026 đến hết 2030.

b) Sau khi kết thúc thời gian thực hiện nghị quyết, việc thực hiện các cơ chế chính sách quy định tại Chương II của Nghị quyết này được thực hiện như sau:

Các chính sách, dự án và các đối tượng đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định thực hiện theo các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này chưa kết thúc thì được tiếp tục triển khai theo các quyết định đã ban hành và được hưởng chính sách cho đến hết thời gian theo chính sách được quy định tại Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa XVI, kỳ họp thứ thông qua ngày / /2025.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban TVQH;- Chính phủ;- VP QH, Ban Công tác ĐB;- VP Chính phủ;- Bộ NN và MT;- Vụ Pháp chế (Bộ NN và MT);- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư Pháp);- TTTU, TT HĐND, UBND TP;- ĐBQH tại HP;- UB MTTQVN TP;- Các Ban HĐND TP;- ĐB HĐND TP Khóa XVI;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH HĐND TP, UBND TP;- QU, HU, HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;- Báo HP, Đài PTTH HP;- Công báo TP (để đăng);- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp. | **CHỦ TỊCH** |